**TAM KỲ CHUYỂN QUY NGUYÊN VẠN PHÁP**

***Diệu Nguyên***

Theo nghi lễ Cao Đài giáo, ngày 27-8 âm lịch hằng năm là ngày lễ Khánh đản của Đức Văn Tuyên Khổng Thánh- một trong ba vị Tam Giáo Đạo Tổ. CĐGL xin giới thiệu huấn từ của Đức Tiên Sư cách đây 52 năm, do Đức Trọng Do Tử Lộ giáng truyền tại Thanh An Tự vào đêm 20 rạng 21-9 Bính Ngọ (03-11-1966).

Thanh An Tự là ngôi chùa hiện hữu từ hơn 100 năm nay tại số 18 đường Hùng Vương, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Chùa thờ Đức Quan Thánh, trước cổng chùa có đắp tượng ngựa Xích Thố của Ngài Quan Vân Trường nên dân gian gọi là chùa Ông Ngựa.

Vào những năm đầu của thế kỷ 20, ông Trần Hiển Vinh (1884-1962) (cũng được gọi là ông Tư Vinh) được tổ phụ truyền lại, làm chủ chùa. Ông cho trùng tu, mở rộng chánh điện, lót gạch tàu toàn bộ nền chùa, trở nên nơi thờ phượng khang trang. Cũng trong những năm ấy, ông Tư Vinh và anh ruột là ông Trần Phát Đạt cùng các thân hữu gồm quý vị: Nguyễn Văn Trượng, Lê Văn Hơn, Trần Duy Khánh, Phan Văn Tý (cũng được gọi là Phán Tý)… hợp nhau cầu cơ thỉnh Tiên. Ông Nguyễn Văn Trượng làm đồng tử phò Đại Ngọc cơ. Các ông lập đàn cầu Tiên gia ban thuốc trị bệnh cho bá tánh là chủ yếu, có lẽ vì thế nên kể từ đó chùa Thanh An có tên là Đàn Minh Thiện.

Năm 1902, Ngài Ngô Văn Chiêu (về sau trở thành vị đệ tử đầu tiên của Đức Cao Đài) có đến Đàn Minh Thiện để cầu thọ cho thân mẫu và được Thiêng Liêng ban cho bài thơ khuyến tu.

Đến năm 1919, một năm trước khi trở thành đệ tử Đức Cao Đài, Ngài Ngô trở lên Đàn Minh Thiện xin thuốc cho mẹ đang đau nhiều, được Đức Quan Thánh Đế Quân giáng cơ ban cho bài thi tứ tuyệt.

Vào trước đêm Trung Thu Quý Sửu (1925), quý vị Tiền Khai Đại Đạo nhận được lệnh phải dùng Đại Ngọc cơ để tiếp Đức Diêu Trì Kim Mẫu trong lễ Hội Yến Bàn Đào đầu tiên. Lúc bấy giờ các Ngài còn dùng phương pháp xây bàn để tiếp xúc với các Đấng Thiêng Liêng nên hơi bỡ ngỡ. May mắn thay, Ngài Cao Quỳnh Cư là bạn của ông Phan Văn Tý (ông Phán Tý), người đã từng lập đàn cầu Tiên bằng Đại Ngọc cơ với các ông Trần Hiển Vinh, Trần Phát Đạt… tại đàn Minh Thiện Thanh An Tự. Ông Phán Tý có sẵn một Đại Ngọc cơ, ông cho mượn và tận tình hướng dẫn quý vị Tiền Khai cách sử dụng.

Ông chủ chùa Trần Hiển Vinh qua đời vào năm 1962. Về sau, trong số các đạo hữu đến hành đạo tại Thanh An Tự có ông Trương Kế An, biệt hiệu là Tuyết Vân Mặc Khách, vừa là bác sĩ vừa là dược sĩ, là một người nổi danh thời bấy giờ. Ông nhập môn Cao Đài và thượng Thánh tượng Thiên Nhãn tại Thanh An Tự, cúng kiếng theo Cao Đài. Đến khoảng năm 1972, ông Trương Kế An lâm bệnh, không thường hành đạo tại đây được nữa nên Thanh An Tự trở lại thờ Đức Quan Thánh cho đến ngày nay.[[1]](#footnote-1)

Trong khoảng thời gian Tiền bối Trương Kế An- Tuyết Vân Mặc Khách hành đạo tại Thanh An Tự và lập Thiên bàn Cao Đài tại đây, vào ngày 18-9 Bính Ngọ (31-10-1966) tức 2 ngày trước đàn cơ tại Thanh An Tự, Đức Đông Phương Chưởng Quản giáng cơ tại Thiên Lý Đàn, ban sắc lệnh lập đàn cơ tại đàn Minh Thiện Thanh An Tự như sau:

***ĐÔNG PHƯƠNG CHƯỞNG QUẢN****. Bần Đạo mừng chư hiền đệ, hiền muội, đồng an tọa.*

*Đàn bất thường hôm nay là do Tam Trấn Oai Nghiêm Hiệp Thiên Đại Đế thỉnh chỉ thị Tam Giáo Thánh Nhơn chuyển đến Đông Phương Phủ, nên Bần Đạo giáng để ban Sắc lịnh cho Bộ phận Hiệp Thiên Đài Phổ Thông Giáo Lý hành sự, và hiền đệ Tuyết Vân Mặc Khách - Kế An được rõ, hầu an lòng thiết lập đàn trung trang nghiêm thành kỉnh, để tiếp trọn điển của Thiêng Liêng ban bố.*

*Hiệp Thiên Đài* ***Bảo Pháp Chơn Quân*** *nghe lịnh:*

**SẮC LỊNH:**

*Phó Sắc Lịnh* ***Huỳnh Chơn Bảo Pháp****,*

*Hiệp Thiên Đài các cấp thi hành,*

*Thiết đàn Minh Thiện Tam Thanh,*

*Hai mươi, hai mốt[[2]](#footnote-2)* *điển thanh giáng trần.*

*Để đồng đạo tinh thần giao cảm,*

*Để Thiêng Liêng chứng giám lễ nghi,*

*Cho người hiểu máy huyền vi,*

*Cho chơn lý Đạo quang huy quảng truyền.*

**SẮC TỨ KHÂM TUÂN**

Sau đây là Thánh giáo tiếp nhận được trong đàn cơ đêm 20 rạng 21-9 Bính Ngọ tại Thanh An Tự:[[3]](#footnote-3)

**THI VĂN**

*Vạn phái đồng nguyên tổng thức cơ,*

*Trản trung tích thủy tại* *ư tư,*

*Trường lưu thế thượng hoằng Thiên Đạo,*

*Mạc bả nhơn gian định nghĩa từ.*

***TRỌNG DO TỬ LỘ****. Tệ Sĩ chào chư Thiên mạng, chào chư liệt vị đạo hữu Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*

*Tệ Sĩ vâng lịnh Văn Tuyên Thánh Vương chuyển đệ Thánh Sắc Tam Giáo Tòa cho chư liệt vị. Vậy, chư liệt vị thành tâm thính sắc. Tệ Sĩ xin tuyên đọc:*

***TAM GIÁO THÁNH NHƠN NHO TÔNG KHAI HÓA***

***VĂN TUYÊN PHỦ***

***KHỔNG THÁNH TRỌNG NI HUẤN TỪ***

*Dữ[[4]](#footnote-4) Thanh An Tự, chư môn sanh các hạ nam nữ đồng đẳng khánh hỷ.*

*Tam Giáo Tòa ân phê Thánh bút,*

*Lễ Thanh An khánh chúc Đế Quân,*

*Hạo Nhiên tú khí trùng trùng,*

*Nhứt tâm thành kỉnh Thiên ân giáo truyền.*

*Tam kỳ chuyển quy nguyên vạn pháp,*

*Nhứt lý đồng phổ cập ngũ châu,*

*Nhơn sanh quy tại thù đồ,[[5]](#footnote-5)*

*Nhứt tri bá lự công hồ mạc vi.*

*Thiệt thiệt giả tu[[6]](#footnote-6) tri Thiên mạng,*

*Phi phi hề thử khán nhân duyên,*

*Cố viết: Vô thân duy Thiên,*

*Chưởng hoa đắc quả nhãn tiền nhơn gian.*

*Cổ tự hóa huy hoàng chánh thể,*

*Thánh đức truyền tiết chế trùng hưng,*

*Tại Minh Đức, tại Tân Dân,*

*Hy Hiền hy Thánh tinh thần phong quang.*

***VĂN TUYÊN THÁNH VƯƠNG***

*Tệ Sĩ nhân đây cũng mừng cho quý liệt vị, nhứt là sanh chúng tại địa phương, sớm ngộ giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hầu trở lại bổn nguyên. (…) Tệ Sĩ xin kiếu từ. Thăng.*

Trọng Do tự là Tử Lộ, là một trong thất thập nhị hiền, 72 môn đệ của Đức Khổng Tử. Ông tài giỏi, đạo đức cao vượt, tinh thông lục nghệ: Lễ, Nhạc, Xạ (bắn cung), Ngự (đánh xe), Thư (viết chữ), Số (các phép toán). Ông sinh vào đời nhà Chu, thờ cha mẹ rất hiếu thảo. Lúc bấy giờ đương khi gặp phải thời loạn lạc, nhà lại nghèo nên ông phải tìm các thứ rau quả về để nấu canh dâng lên cha mẹ dùng qua ngày. Về sau, Tử Lộ thường đi vác gạo trăm dặm đường xa để về nuôi cha mẹ. Sau khi cha mẹ qua đời, Tử Lộ sang nước Sở và được vua nước Sở phong tước cao sang. Tuy có được quan quyền vinh hiển nhưng ông luôn luôn tưởng nhớ, ước gì cha mẹ còn sống để ông ngày ngày đội gạo, bữa bữa nấu canh dâng cha mẹ ăn, cả nhà đoàn viên đầm ấm.[[7]](#footnote-7)

Trước khi lên đường đi lập sự nghiệp, Tử Lộ đến cáo biệt Đức Khổng Tử. Đức Khổng Tử hỏi: “Con muốn ta tặng cho con một chiếc xe hay là tặng cho con vài lời?” Tử Lộ nói: “Xin thầy cho con một vài lời.”

Đức Khổng Tử dạy ông 5 điều: “1. Nếu không ngừng nỗ lực vươn lên thì không thể đạt được mục tiêu to lớn. 2. Không chăm chỉ làm tốt việc của mình thì không thể có được kết quả tốt. 3. Không đối xử chân thành với người khác mà so đo tính toán thì không thể thân cận với người ta. 4. Bản thân không coi trọng chữ tín thì không thể mong người khác giữ chữ tín với mình. 5. Không chân thành và khiêm tốn với người khác thì không thể phù hợp với lễ nghĩa. Nếu con có thể áp dụng năm điều này trong cách hành xử và làm việc thì có thể làm được lâu dài.” Tử Lộ cảm ơn thầy đã chỉ giáo rồi lên đường.

Sau ba năm Tử Lộ cai quản Bạc Ấp, một lần Đức Khổng Tử đi qua nơi ấy. Khi mới đi vào Bạc Ấp, Đức Khổng Tử đã khen ngợi: “Tử Lộ làm tốt, làm được cung kính và có chữ tín.” Khi đi vào trong thành, Đức Khổng Tử lại khen: “Tử Lộ làm rất tốt, có thể làm được trung tín và rộng lượng.” Đến phủ quan nơi Tử Lộ làm việc, Đức Khổng Tử thốt lên rằng: “Tử Lộ làm quá tốt, làm được minh xét và quyết đoán.”

Tử Cống nghe thấy lấy làm lạ, tay cầm dây cương hỏi Đức Khổng Tử: “Thầy chưa gặp Tử Lộ mà đã ba lần khen ngợi, xin thầy chỉ cho con biết chỗ mà Tử Lộ làm tốt?”

Đức Khổng Tử nói: “Đi đến nơi này Ta thấy ruộng nương chỉnh tề, đất đai trù phú, cỏ dại được nhổ sạch, đường nước ở ruộng sâu thêm, đó là vì Tử Lộ cung kính cẩn thận và có chữ tín, vì vậy nông dân mới cố gắng đi làm. Đi vào ấp, thấy tường nhà đều kiên cố, chợ đông tấp nập, cây cối tươi tốt, đó là nhờ Tử Lộ trung tín và rộng lượng, nhờ vậy người dân mới không gây gổ cãi lộn. Phủ quan thì sạch sẽ, người hầu cận bên dưới đều rất cần mẫn, tận tình, đó là vì Tử Lộ minh xét thiện đãi, chính sách không gây phiền hà cho dân. Xem ra đó chính là thành quả mà Tử Lộ đạt được. Mặc dù ta ba lần liên tiếp khen Tử Lộ làm tốt, cũng không sao nói hết những điểm tốt của Tử Lộ.” Về sau, Bạc Ấp đã trở thành “tam thiện chi địa”.[[8]](#footnote-8)

Bốn câu Thánh thi mở đầu của Đức Trọng Do Tử Lộ có ý nghĩa như sau:

***Vạn phái đồng nguyên tổng thức cơ***

Mọi người nên hiểu điều then chốt này: Vạn phái hay vạn pháp nghĩa là tất cả các tông phái hay tôn giáo đều có cùng một nguồn gốc.

***Trản trung tích thủy tại ư tư***

Cái chén mà chứa được nước là nhờ cái lý này. Câu này ý nói, tâm con người cần phóng khoáng, lòng cần rộng mở thì mới chấp nhận được cái lý “Vạn phái đồng nguyên”.

Trong quyển “Góp nhặt cát đá” của Thiền sư Vô Trú, có ghi câu chuyện về thiền sư Nan-in, một thiền sư Nhật Bản sống vào thời Minh Trị (1868-1912) tiếp một giáo sư đại học đến hỏi về thiền. Thiền sư Nan-in mời khách uống trà. Ông rót trà vào tách, tách đã đầy rồi mà thiền sư vẫn cứ tiếp tục rót thêm. Vị giáo sư ngồi nhìn nước trong tách tràn ra cho đến khi không kềm chế được nữa và la lên: “Đầy quá rồi, xin đừng rót nữa.” Thiền sư Nan-in nói: “Cũng giống như cái tách này, tâm trí ông đầy ắp những quan niệm, những tư tưởng thành kiến bảo thủ, làm sao tôi có thể bày tỏ Thiền cho ông được, trừ phi ông cạn cái tách của ông trước đã!”

Tương tự như vậy, nếu tâm con người chứa đầy sự phân biệt cao thấp hay chánh tà giữa tôn giáo này và các tôn giáo khác, thì không thể nào chấp nhận được lý “Vạn phái hay vạn pháp đồng nguyên”

***Trường lưu thế thượng hoằng Thiên Đạo***

Việc mở mang đạo Trời liên tục như nước trôi chảy mãi trên đời, do đó trải qua các thời kỳ, Đức Thượng Đế đã khai mở nhiều nền tôn giáo khác nhau tùy theo phong tục tập quán của từng địa phương để cứu độ nhơn sanh.

***Mạc bả nhơn gian định nghĩa từ***

Đừng chấp vào những định nghĩa từ ngữ không đúng của người thế gian.

Tóm lại, đại ý bốn câu Thánh thi mở đầu của Đức Trọng Do Tử Lộ khuyên người đời hãy biết rằng xưa nay việc mở mang đạo Trời không hề dứt nên Đức Thượng Đế đã khai mở nhiều nền chánh giáo trên thế gian để cứu độ nhơn sanh. Con người cần phải phòng khoáng, mở rộng lòng, đừng chấp vào sự khác biệt về danh xưng, hình tướng bên ngoài mà phải hiểu rằng vạn phái hay vạn pháp đều có cùng một nguồn gốc.

Tam Giáo Thánh Nhơn Nho Tông Khai Hóa chính là Đức Khổng Thánh Tiên Sư. Ngài là bậc Thánh Nhơn đã dùng tông chỉ đạo Nho để mở mang dân trí và giáo hóa cho nhơn sanh được văn minh tiến bộ.

Phủ (hay Phủ Đường) là nơi làm việc của các bậc lãnh đạo, quan chức cao cấp, như: Phủ Tổng Thống, phủ Thủ Tướng, nơi ngài Bao Công xử án được gọi là Khai Phong Phủ. Văn Tuyên Phủ là nơi làm việc của Đức Khổng Tử. Văn Tuyên là một trong những tên thụy mà các hoàng đế Trung Hoa truy tặng cho Đức Khổng Tử. Chẳng hạn như năm 739, vua Đường Huyền Tông tôn Ngài là Văn Tuyên Vương. Tuyên là bày ra, phô trương ra cho mọi người biết và học theo. Vương là vua, không phải là vị vua cai trị một nước mà vua có nghĩa là người tài giỏi đứng đầu trong một lãnh vực chẳng hạn như vua dầu hỏa, vua cờ tướng (kỳ vương)…Văn Tuyên Vương là người tài giỏi bậc nhất về văn chương, văn hóa, học vấn lỗi lạc và suốt cả cuộc đời tận tụy miệt mài dạy dỗ học trò. Năm 1008, vua Tống Chân Tông tôn Ngài là Huyền Thánh Văn Tuyên Vương; năm 1012 lại tôn là Chí Thánh Văn Tuyên Vương; năm 1307, vua Vũ Tông (đời Nguyên) gia phong Đức Khổng Tử là Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương. Ngài được tôn xưng là “Vạn Thế Sư Biểu”, (sư và biểu đều có nghĩa là tấm gương, gương mẫu), Vạn Thế Sư Biểu là tấm gương sáng muôn đời.

Trọng Ni là tên tự của Ngài lúc còn tại thế. Huấn từ là lời giáo huấn, lời dạy.

*Dữ[[9]](#footnote-9) Thanh An Tự, chư môn sanh các hạ nam nữ đồng đẳng khánh hỷ.*

Chúc mừng tất cả nam nữ môn sanh Thanh An Tự.

***Tam Giáo Tòa ân phê Thánh bút***

Tòa Tam Giáo ban ơn phê chuẩn truyền dạy lời Thánh giáo

***Lễ Thanh An khánh chúc Đế Quân***

Lễ ở chùa Thanh An chúc mừng Quan Thánh Đế Quân

***Hạo Nhiên tú khí trùng trùng***

Khí lành Hạo Nhiên mạnh mẽ ào ạt bao phủ trùng trùng

***Nhứt tâm thành kỉnh Thiên ân giáo truyền***

Hãy nhứt tâm thành kỉnh tiếp nhận lời truyền dạy của Ơn Trên.

***Tam kỳ chuyển*** ***quy nguyên vạn pháp***

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một đại cuộc vận chuyển để đưa vạn pháp (các tôn giáo) trở về nguồn cội

***Nhứt lý đồng phổ cập ngũ châu***

Một chân lý duy nhất phổ cập khắp năm châu. Đây chính là chủ trương “Vạn giáo đồng nhứt lý” hay “Không tôn giáo nào qua chân lý”.

***Nhơn sanh quy tại thù đồ[[10]](#footnote-10)***

Người đời tuy đường lối khác nhau nhưng cùng quy về một mối. Có câu thành ngữ: Đường nào rồi cũng dẫn về La Mã. Các tôn giáo đều là các phương tiện để đưa nhơn sanh trở về nguồn cội thiêng liêng.

***Nhứt tri bá lự công hồ mạc vi.***

Lo toan trăm đường, kết quả chỉ có một. Công lao này không nhỏ.

Hai câu này chính là lời của Đức Khổng Tử trong kinh Dịch, phần Hệ Từ Hạ Truyện: Tử viết: “Thiên hạ hà tư hà lự? Thiên hạ đồng quy nhi thù đồ, nhất trí nhi bách lự. Thiên hạ hà tư hà lự?” Nghĩa là:

Khổng Tử nói: “Thiên hạ nghĩ gì, lo gì? Tuy đường lối khác nhau, nhưng tất cả đều quy về một mối. Lo toan trăm đường, kết quả chỉ có một. Thiên hạ nghĩ gì, lo gì?”

Trong đàn cơ này, sau phần Thánh Sắc của Đức Khổng Thánh Tiên Sư, có Đức Giáo Tông Tiên Thiên Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài giáng và đã giảng giải giúp chúng ta hiểu được phần Thánh sắc của Đức Khổng Thánh. Về hai câu *“Nhơn sanh quy tại thù đồ, Nhứt tri bá lự công hồ mạc vi”*, Đức Thiện Pháp giảng:

*Đạo nghĩa rộng vô cùng, nhưng cũng tạm gọi Đạo là con đường dẫn đến chỗ chí thiện chí mỹ cũng như các con đường và các phương tiện xê dịch ở thế gian.*

*Thí dụ: Muốn cùng hẹn nhau đi đến một địa điểm nào, mỗi người hãy tự chọn con đường và phương tiện mà đi, miễn làm sao tới địa điểm đó là được, chớ không nhứt thiết phải chọn phương tiện nào, như máy bay, tàu thủy, tàu hỏa, tàu lặn, xe hơi, thuyền buồm, xe đạp hoặc đi bộ, miễn là khách lữ hành kiên chí rồi cũng đến chỗ. Nhưng đến sớm hoặc đến muộn tùy theo phương tiện tốt xấu hoặc đường tắt đường vòng vậy thôi.*

*Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ khai nhằm thời Hạ nguơn mạt kiếp, là thời cuối cùng của vận hội tuần huờn Tam nguơn. Vì thời gian không còn dài, nên Chí Tôn vạch con đường tắt và chỉ cho những phương tiện tốt để nhơn sanh đi mau đến đích.[[11]](#footnote-11)*

Thánh sắc dạy tiếp:

***Thiệt thiệt giả tu[[12]](#footnote-12) tri Thiên mạng***

Nếu gặp được điều chân thật tốt lành thì hãy nên biết mệnh Trời tức là bổn phận nhiệm vụ mà Trời giao phó cho ta.

***Phi phi hề thử khán nhân duyên***

Nếu gặp điều sái quấy không tốt lành thì hãy xem xét nhân duyên của mình.

***Cố viết: Vô thân duy Thiên***

Cho nên mới nói: không có thân, chỉ có Trời, nghĩa là Pháp bất vị thân, luật Trời hay luật Thiên điều chí công vô tư, ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác.

***Chưởng hoa đắc quả nhãn tiền nhơn gian***

Trồng hoa được quả, là cái lý nhân quả rõ ràng trước mắt của người đời

Về bốn câu trên, Đức Giáo Tông Tiên Thiên Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài giảng giải rằng:

*“Như tại Thanh An Tự đây có lệ xin xăm. Hằng ngày đa số thiện nam tín nữ đến xin xăm để cầu phúc, cầu duyên, cầu tài, cầu mạng sống. Thế thường người xin xăm có quan niệm đồng giống nhau chỗ này: Khi hai tay cầm ống xăm lắc liên hồi, lòng mong được quẻ tốt và thành công trong ý nguyện. Sau khi bàn xăm, hễ được quẻ tốt thì mừng, bằng gặp quẻ xấu thì buồn rầu lo sợ. Nhưng có mấy ai nghĩ đến việc họa phước rủi may tốt xấu mà quẻ kia ứng hiện là bởi nơi đâu mà có.*

*Thử hỏi, có phải Thánh Thần thương người nào đó rồi ban cho quẻ tốt, hoặc ghét người nào đó rồi ban cho quẻ xấu chăng? Xin trả lời rằng: Không phải vậy. Vì Trời Đất vô tư, Thần minh soi xét hành động và tâm trạng của người đó mà ứng ra trung thực quẻ tốt hoặc xấu, chớ không thương không ghét người nào cả. Nói rõ hơn nữa, lời bàn nơi quẻ ví như tấm kiếng soi. Hễ diện mạo tướng tá thế nào, trong kiếng chiếu y như vậy. Còn tâm trạng hành động của người xin xăm thế nào thì quẻ trả lời và báo tin trung thực cho biết như vậy. Tại sao người đời quá mê tín mà không chịu xét như vậy. Khi được quẻ tốt, hãy vui mừng cảm ơn Thần Thánh và vui lòng sẵn sàng kiểm điểm lại những tâm trạng và hành động gì của mình đã có, rồi hân hoan chọn lựa việc ấy mà làm, vì kết quả của quẻ tốt, nguyên nhân bởi tâm trạng và hành động tốt. Còn trái lại, khi gặp quẻ xấu, hãy chịu khó kiểm điểm lại tâm trạng và hành động của mình trong thời gian qua và hiện tại, cố gắng tìm kiếm những cái xấu mà sớm chừa đi. Những việc xấu như tư tưởng xấu, lời nói ác, hành động ác, chẳng hạn như đo gian, đong thiếu, hà lạm, hối lộ, cho vay cắt cổ,* *ganh tị người được việc, ố kỵ người được đời ngợi khen tán tụng, v.v….[[13]](#footnote-13)*

Lời Thánh sắc dạy tiếp:

***Cổ tự hóa huy hoàng chánh thể***

Ngôi chùa xưa đã hóa thành Thánh thể Chí Tôn

***Thánh đức truyền tiết chế trùng hưng***

Thánh đức truyền dạy tiết chế sự trùng tu về mặt hình thức

***Tại Minh Đức, tại Tân Dân***

Điều cốt yếu quan trọng là ở việc làm sáng cái cái đức sáng của mỗi người, và ở sự đổi mới con người. Sách *Đại Học* nói: *“Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện”* Nghĩa là: “Đạo của Đại Học là làm sáng thêm cái đức sáng, đổi mới dân chúng, và dừng ở chí thiện.”

***Hy Hiền hy Thánh tinh thần phong quang.***

Hy 希 là ngưỡng mộ, mong sánh bằng. Bậc quân tử hay kẻ sĩ thì mong làm Hiền nhân, bậc Hiền nhân thì mong làm Thánh nhân. Con người phải luôn cố gắng vươn lên hoàn thiện hóa bản thân thì tinh thần mới rực rỡ, sáng chói (phong quang).

Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu cũng đã dạy:

*“…người tu thân hành đạo luôn luôn phải nhớ điều này: Tu là cách mạng bản thân, bản tâm và bản tánh. Nếu vào Đạo rồi mà không sửa đổi được tánh ác ra thiện, tánh ngu thành hiền, phàm tâm ra thánh tâm, những ngôn ngữ thất đức thất nhân tâm ra lời khuyên thánh thiện, thì không thể nào gọi rằng tu, rằng cách mạng bản thân được. Vậy câu nghịch hành phản bổn là làm sao hằng ngày con người của mình phải trở nên mới, càng mới thêm mãi mãi.”[[14]](#footnote-14)*

Đức Thiện Pháp Nguyễn Bửu Tài giảng giải:

*Thường thường người ta đến chùa, đến thất, đến miễu, đến am, lại có quan niệm rằng mình đi đến đó lạy Trời, Phật, Thánh, Thần để được ban phước lành, và tìm mua sắm lễ vật đến hiến tế Trời Phật để được phước, hoặc tụng kinh thật nhiều để được âm chất, nhưng có mấy ai chịu khó tìm hiểu và phân tách như vậy.*

*Sở dĩ chúng sanh quá mê muội, quá tội lỗi, nên Thượng Đế tùy thời kỳ, tùy phong tục tập quán, tùy trình độ mỗi giống dân để mở đạo, hầu khuyên dạy họ trở về nẻo thiện đàng ngay, để bảo tồn sự sống. Chớ nào phải Thượng Đế cùng Phật Tiên Thánh Thần cần đến sự cầu khẩn bái lễ suốt ngày sáng đêm để rồi ban phước bù lại công khó đó.*

*Thượng Đế ra kinh sách để dạy răn đời. Đời đọc kinh sách để sửa mình theo những điều thiện, chừa những điều ác, chớ Phật Tiên Thánh Thần đâu phải thiếu kinh mà phải đợi chúng sanh đem kinh tụng cho nhiều để được bù lại công khó. Nếu khi đọc kinh không hiểu nghĩa, không làm theo sự chỉ dạy trong kinh thì dầu tụng suốt đời cũng chẳng ích gì.[[15]](#footnote-15)*

Sau khi ban truyền xong Thánh sắc của Đức Văn Tuyên Thánh Vương, trước khi từ biệt, Đức Trọng Do Tử Lộ để lời mừng cho nhơn sanh tại địa phương sớm gặp được giáo lý Cao Đài để tu hành trở về nguồn cội thiêng liêng:

*Tệ Sĩ nhân đây cũng mừng cho quý liệt vị, nhứt là sanh chúng tại địa phương, sớm ngộ giáo lý Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hầu trở lại bổn nguyên. (…) Tệ Sĩ xin kiếu từ. Thăng.*

Tóm lại, Thánh sắc của Đức Văn Tuyên Thánh Vương do Đức Trọng Do Tử Lộ giáng cơ ban truyền đã xác nhận Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một đại cuộc vận chuyển cho vạn pháp quy về một gốc. Vạn giáo đồng nhứt lý, nên cho dù đường lối hành đạo có khác nhau nhưng rốt cuộc rồi các tôn giáo cũng đều đưa con người trở về một nguồn cội chung là Đạo, là Thượng Đế, là Niết Bàn. Người tu không nên ưa chuộng hình thức cúng bái mê tín mà hãy nên hiểu rõ luật Nhân quả để cố gắng tu sửa bản thân cho nên Hiền nên Thánh. Đó mới chính là kết quả tốt đẹp và hữu ích của việc tu hành.

1. Theo *Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 1: Khai Đạo, Từ Khởi Nguyên Đến Khai Minh*, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Nxb Tôn Giáo, 2005, tr. 447-449. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đêm 20 rạng 21 tháng 9 Bính Ngọ. [↑](#footnote-ref-2)
3. Để phân biệt với phần học tập của người viết, các lời Thánh giáo được in nghiêng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Dữ: Và, với, cùng. Ví dụ: Ngã dữ nhĩ = tôi và anh; sơn dữ thủy = núi với sông… [↑](#footnote-ref-4)
5. Thù đồ: Thù là khác biệt. Thù đồ là đường đi khác nhau. [↑](#footnote-ref-5)
6. Tu 須: Nên, hãy nên. [↑](#footnote-ref-6)
7. Theo Video Nhị Thập Tứ Hiếu, Trọng Do vác gạo nuôi cha mẹ, trang Web của Tản Viên Sơn Quốc tự. [↑](#footnote-ref-7)
8. Theo “*Một vài câu chuyện về Khổng Tử*”, Minh Huệ Net. [↑](#footnote-ref-8)
9. Dữ: Và, với, cùng. Ví dụ: Ngã dữ nhĩ = tôi và anh; sơn dữ thủy = núi với sông… [↑](#footnote-ref-9)
10. Thù đồ: Thù là khác biệt. Thù đồ là đường đi khác nhau. [↑](#footnote-ref-10)
11. Thanh An Tự, Tý thời 20-21 tháng 9 Bính Ngọ (02-11-1966). [↑](#footnote-ref-11)
12. Tu 須: Nên, hãy nên. [↑](#footnote-ref-12)
13. Thanh An Tự, Tý thời 20-21 tháng 9 Bính Ngọ (02-11-1966). [↑](#footnote-ref-13)
14. Đức Ngôi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu, Nam Thành Thánh Thất, 14-02 Tân Hợi (10-3-1971). [↑](#footnote-ref-14)
15. Thanh An Tự, Tý thời 20-21 tháng 9 Bính Ngọ (02-11-1966). [↑](#footnote-ref-15)